

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THÀNH CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **96** /TB-UBND

Thành Công, ngày 5 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng (quý II)
năm 2026 trên địa bàn xã Thành Công**

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 20/12/2025 của HĐND xã Thành Công về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước xã Thành Công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 20/12/2025 của UBND xã Thành Công về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước xã Thành Công năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã Thành Công công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng (quý II) năm 2026 trên địa bàn xã Thành Công, cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách

(Có biểu số 54, 55, 56.1 và thuyết minh chi tiết kèm theo)

II. Hình thức công khai

Công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã; thông báo trên hệ thống truyền thanh xã và Cổng thông tin điện tử xã Thành Công

III. Thời điểm công khai

Thời điểm công khai bắt đầu từ khi Thông báo này được ký.

Trên đây là thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng(quý II) trên địa bàn xã Thành Công.

Nơi nhận:

- UBND xã Thành Công;
- Các phòng, ban, đoàn thể xã
- Cổng thông tin điện tử xã Thành Công;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nghĩa



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng (quý II) xã Thành Công năm 2026

(Kèm theo Thông báo số 36/TB-UBND ngày 5 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Thành Công)

Thực hiện theo chỉ đạo của UBND xã Thành Công về việc điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan, tình hình thực hiện ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đã đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:

1. Về cân đối ngân sách xã trên địa bàn:

Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 100.819.255.095 đồng, đạt 44% dự toán được giao.

Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện 196.981.483.106 đồng, đạt 86% tỷ lệ dự toán được giao.

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 108.920.724.057 đồng, bằng 47% dự toán giao.

2. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách. Tăng cường biện pháp quản lý thu ngân sách, công tác tuyên truyền, hỗ trợ cho đối tượng nộp thuế, minh bạch các chính sách thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; đẩy mạnh công tác quản lý, khai thác các nguồn thu.

Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 100.819.255.095 đồng, đạt 19% dự toán được giao.

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 3.484.862.209 đồng (đạt 27% dự toán giao).

+ Thuế thu nhập cá nhân: 3.706.666.631 đồng (đạt 37% dự toán giao)

+ Lệ phí trước bạ: 5.752.387.141 đồng (đạt 19% dự toán giao)

+ Thu phí, lệ phí: 314.614.320 đồng (đạt 0,1% dự toán giao)

+ Các khoản thu về nhà đất: 85.052.987.069 đồng (đạt 18% dự toán giao)



+ Thu khác ngân sách: 2.466.085.667 đồng (đạt 57% dự toán giao)

+ Thu cấp quyền khai thác khoáng sản 41.652.058 đồng

3. Về chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

UBND xã chủ động điều hành chi ngân sách theo quy định. Các khoản chi ngân sách nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm đúng chính sách, chế độ. Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để chi trả các khoản theo chế độ cho cán bộ, công chức, chuyên trách, bán chuyên trách, cán bộ xóm, thôn, tổ dân phố... chi trả các khoản phụ cấp, trợ cấp theo chế độ; chi các khoản từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên. Các khoản chi ngân sách nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm đúng chính sách, chế độ.

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 108.631.570.057 đồng, bằng 32% dự toán giao, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 39.002.529.162 đồng bằng 68% dự toán giao

+ Chi thường xuyên: 68.704.040.895 triệu đồng bằng 21% dự toán giao





TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 96 /TB-UBND ngày 5/7/2026 của UBND xã Thành Công)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	230.480.000.000	44.615.266.633	100.819.255.095	44%	
I	Thu nội địa	230.480.000.000	44.615.266.633	100.819.255.095	44%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	229.726.000.000	106.119.182.382	196.981.483.106	86%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	75.409.000.000	16.502.182.382	36.081.231.017	48%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	24.280.000.000	4.225.543.627	9.224.635.404	38%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	51.129.000.000	12.276.638.755	26.856.595.613	53%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	154.317.000.000	89.617.000.000	121.038.898.000	78%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	86.478.000.000	28.820.000.000	46.682.000.000	54%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	67.839.000.000	60.797.000.000	74.356.898.000	110%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			39.861.354.089		
C	TỔNG CHI NSDP	229.726.000.000	73.566.094.579	108.920.724.057	47%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	229.726.000.000	73.566.094.579	108.920.724.057	47%	
1	Chi đầu tư phát triển	53.000.000.000	35.965.467.259	39.002.529.162	74%	
2	Chi thường xuyên	172.722.000.000	36.675.627.320	68.704.040.895	40%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	4.004.000.000	925.000.000	925.000.000	23%	
8	Các nhiệm vụ chi khác			289.000.000		
9	Chi nộp ngân sách cấp trên			154.000		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 96 /TB-UBND ngày 5/7/2026 của UBND xã Thành Công)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2026	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	230.480.000.000	44.615.266.633	100.819.255.095	19%	
I	Thu nội địa	230.480.000.000	44.615.266.633	100.819.255.095	19%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		10.705.577	15.685.277		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	0		0		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.200.000.000	1.673.913.402	3.469.176.932	27%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.200.000.000	1.915.117.934	3.706.666.631	37%	
5	Thuế bảo vệ môi trường			0		
6	Các loại phí, lệ phí	13.630.000.000	2.236.797.956	6.067.001.461	16%	
	Trđó: Lệ phí trước bạ	10.600.000.000	2.054.558.336	5.752.387.141	19%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	200.300.000.000	36.768.487.035	85.052.987.069	18%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000.000	1.350.000	3.071.331	0%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		218.430.207	218.430.207		
-	Thu tiền sử dụng đất	200.000.000.000	36.548.706.828	84.831.485.531	18%	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN			0		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển		22.849.058	41.652.058		
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			0		
10	Thu từ hoạt động xổ số			0		
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển			0		
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	0	0	0		
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế			0		
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			0		
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	1.650.000.000		0	0%	
14	Thu khác ngân sách	3.500.000.000	1.987.395.671	2.466.085.667	57%	
II	Thu từ dầu thô			0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác	0	0	0		
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					

STT	Nội dung	Dự toán 2026	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	75.409.000.000	16.502.182.382	36.081.231.017	22%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	51.129.000.000	12.276.638.755	26.856.595.613	24%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)			0		
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	24.280.000.000	4.225.543.627	9.224.635.404	17%	





ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 96 /TB-UBND ngày 5/7/2026 của UBND xã Thành Công)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	229.726.000.000	73.566.094.579	108.631.570.057	32%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	229.726.000.000	73.566.094.579	108.631.570.057	32%	
I	Chi đầu tư phát triển	53.000.000.000	35.965.467.259	39.002.529.162	68%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	53.000.000.000	35.965.467.259	39.002.529.162	68%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	172.722.000.000	36.675.627.320	68.704.040.895	21%	
	Trong đó:			-		
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	95.238.000.000	20.721.406.262	37.336.411.182	22%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	729.000.000	200.000.000	385.000.000	27%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	4.004.000.000	925.000.000	925.000.000	23%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	-	-	-		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					